CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2024

CTCP Ắc quy Tia Sáng

Ngày 31/12/2024	43,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-3.6%	**-5.5%**	**-**

DT thuần
Q4/24
41.9
tỷ VNĐ
QoQ: ▼1.00| -2.3%
YoY: ▲ 5.60| 15.5%

LN thuần
Q4/24
-0.65
tỷ VNĐ
QoQ: ▼1.95| -150%
YoY: ▼2.32| -139%

LN sau thuế
Q4/24
-0.55
tỷ VNĐ
QoQ: ▼1.62| -151%
YoY: ▼1.86| -142%

Tỷ suất lãi EBIT
2024
4.0%
YoY: +/-▲ 0.4%

ROE
2024
6.5%
YoY: +/-▲ 1.2%

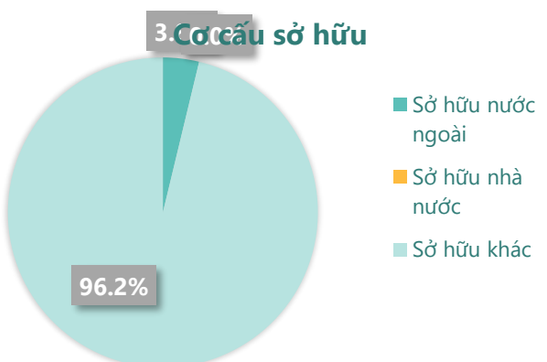
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	39,643 - 58,920
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	290
Số lượng CPLH (CP)	6,745,480
KLGD BQ 20 phiên (CP)	4,840
Sở hữu nước ngoài	3.8%
Beta	0.60
EPS	773
P/E	55.6

DT thuần
2024
182
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 24.0| 15.6%

LN thuần
2024
6.55
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1.25| 23.6%

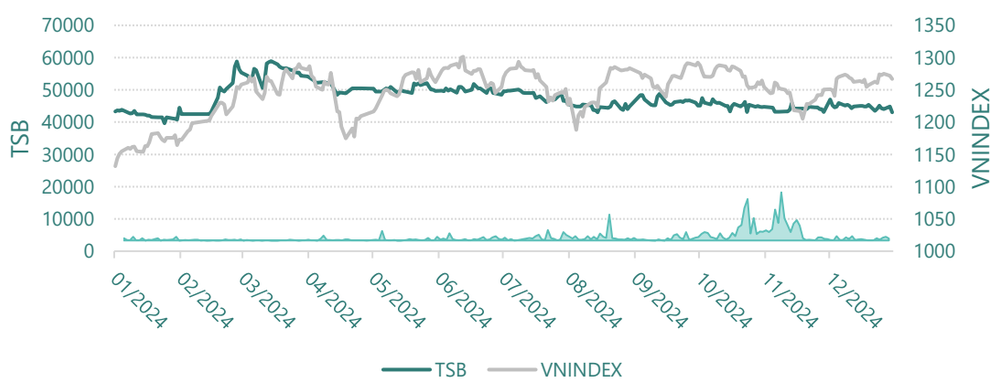
LN sau thuế
2024
5.21
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.98| 23.2%

Cơ cấu sở hữu

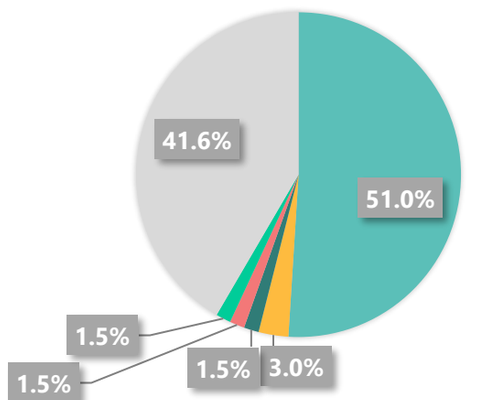


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



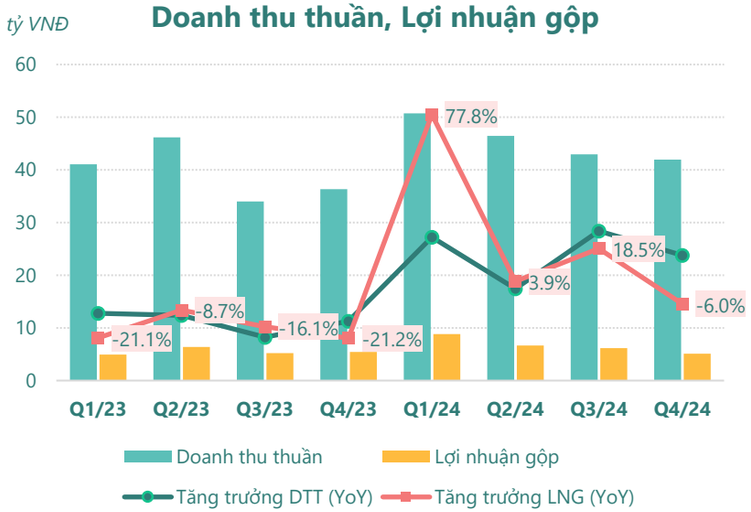
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

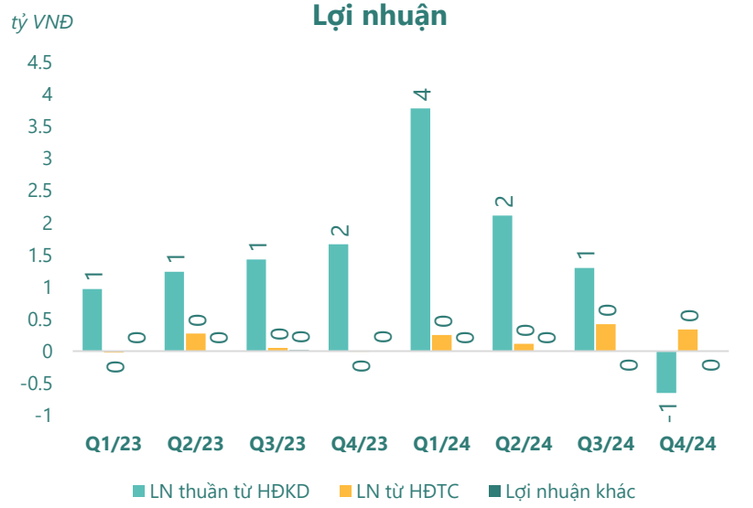
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



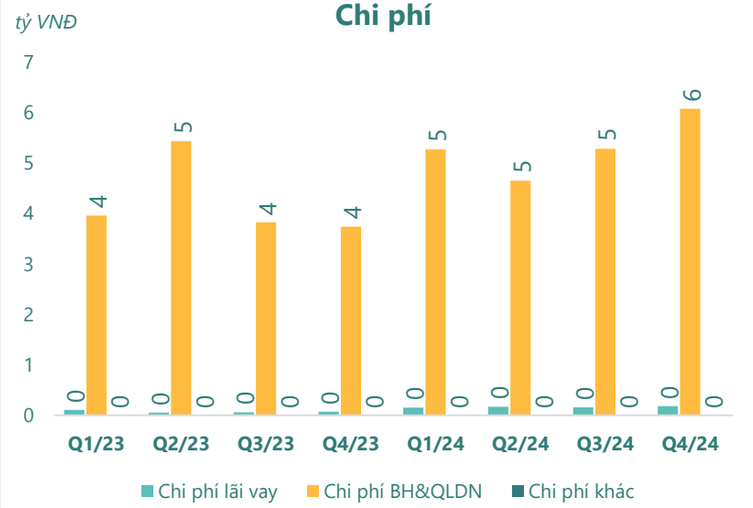
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



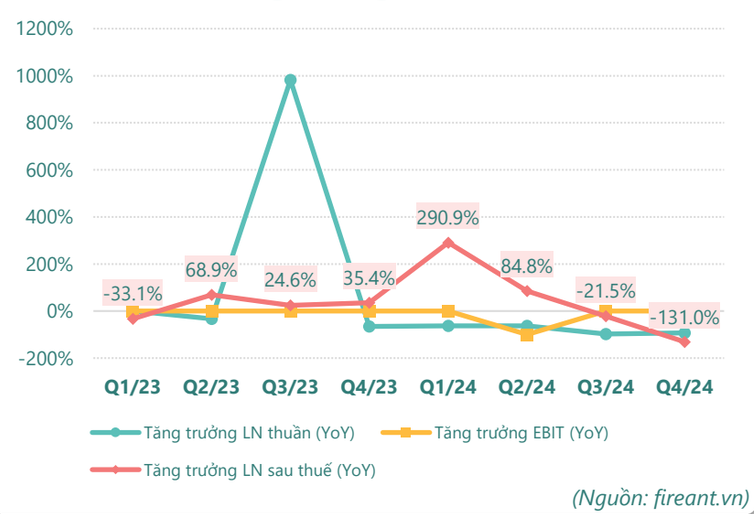
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



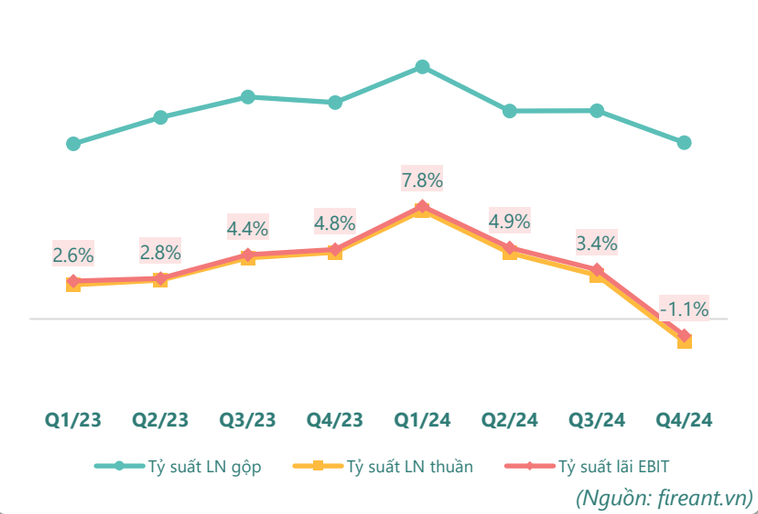
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



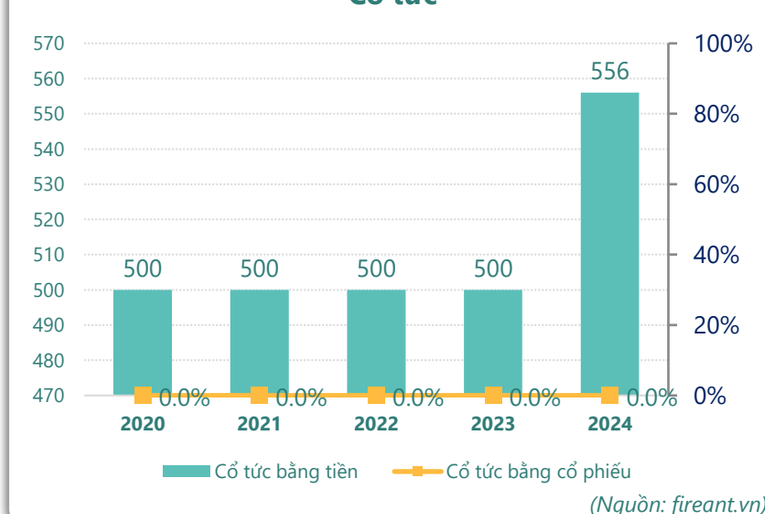
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

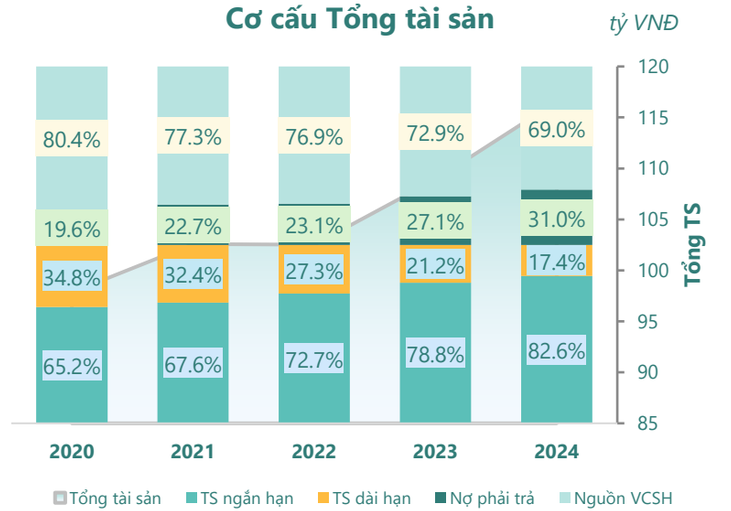
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

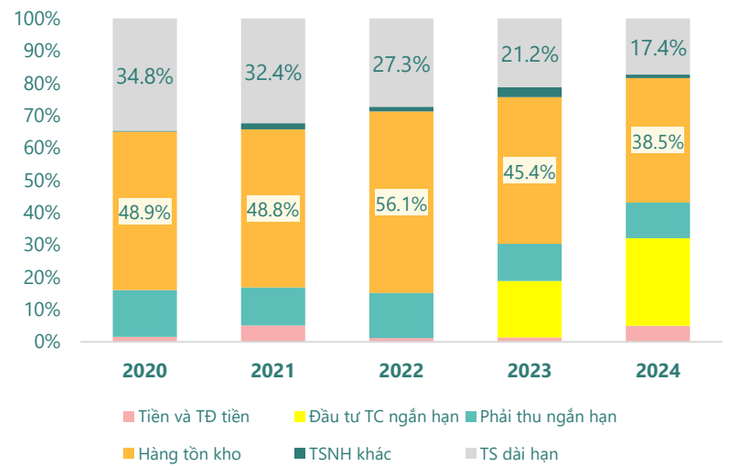
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



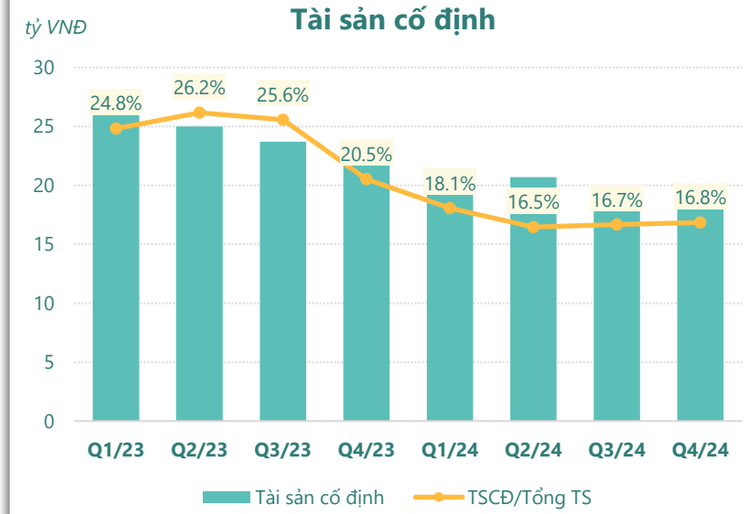
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



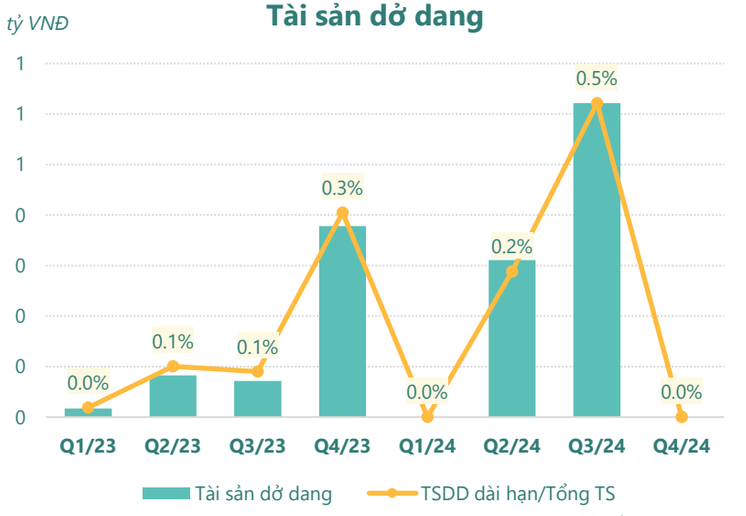
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



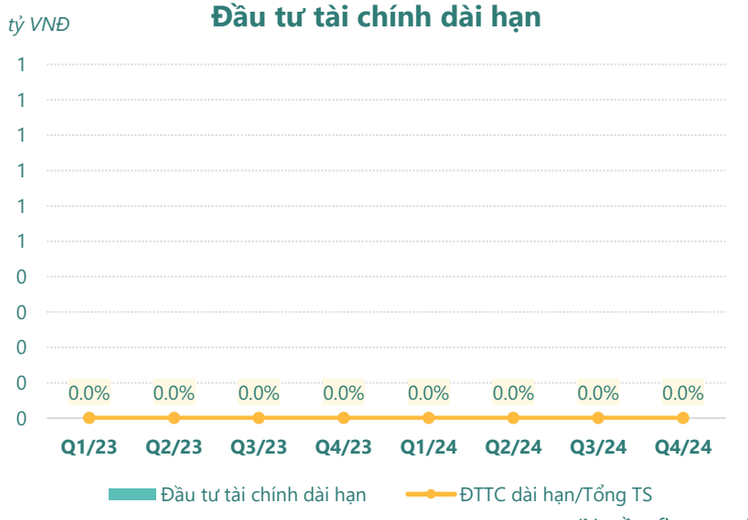
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



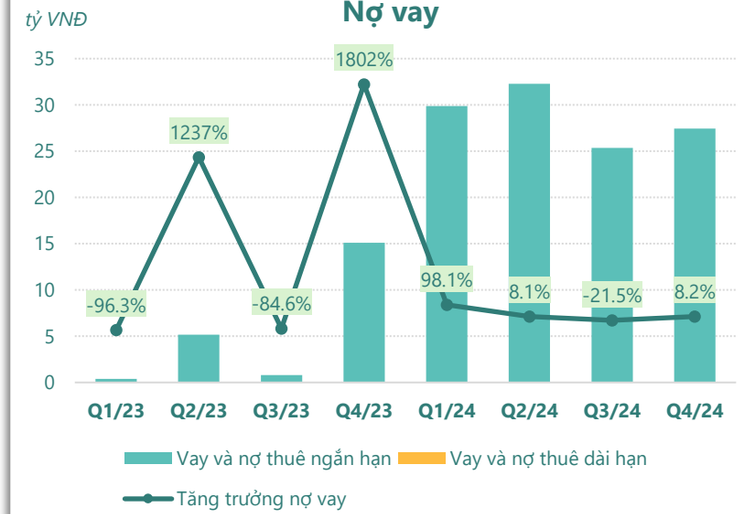
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

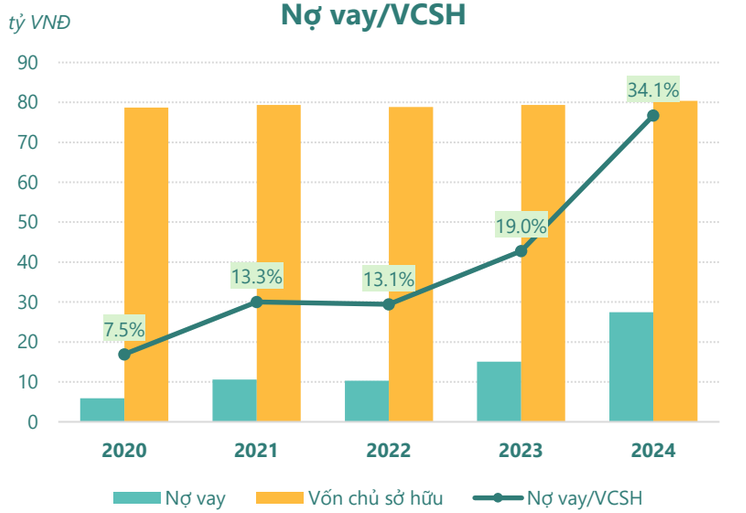
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

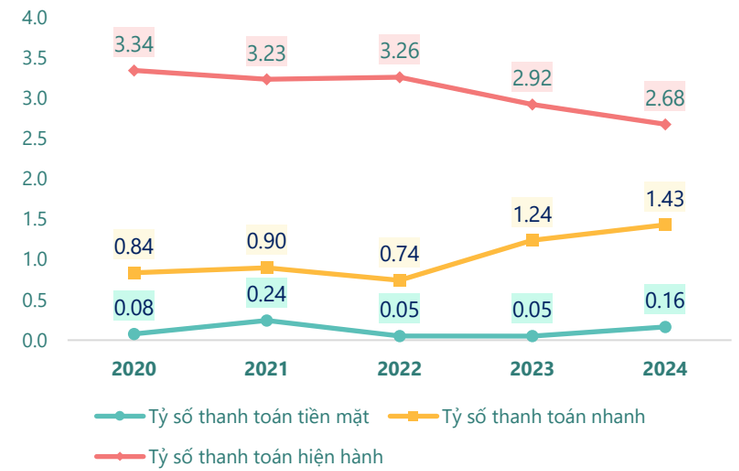
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



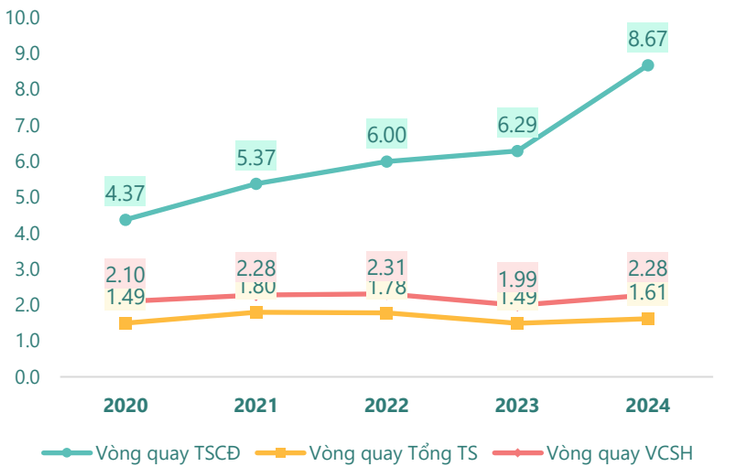
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



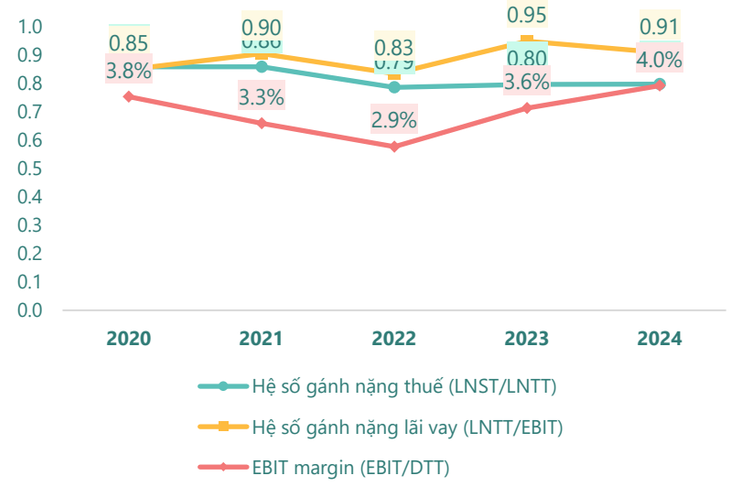
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



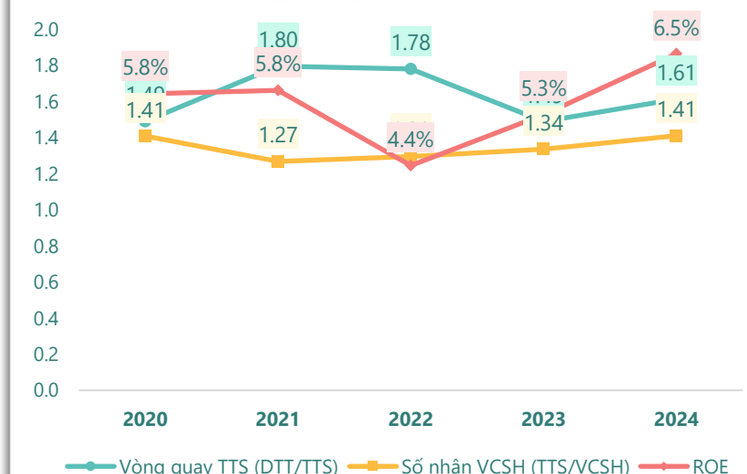
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



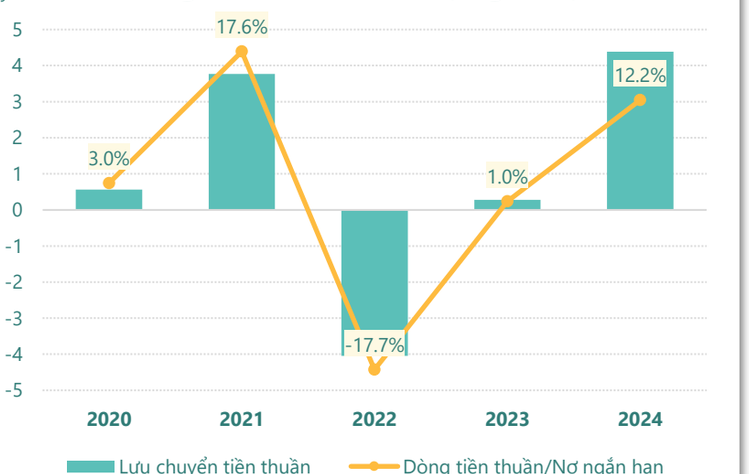
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q4/23	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**41.9**	**36.3**	**15.5%**	**182**	**158**	**15.6%**
Giá vốn hàng bán	36.8	30.9	19.2%	155	136	14.5%
Lợi nhuận gộp	5.09	5.42	-6.1%	26.7	21.9	21.9%
Doanh thu HĐTC	0.53	0.20	167%	2.13	0.73	192%
Chi phí TC	0.20	0.20	-1.9%	1.00	0.44	131%
Chi phí lãi vay	0.18	0.07	159%	0.66	0.29	128%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	4.31	2.13	102%	15.0	10.9	37.9%
Chi phí QLDN	**1.77**	**1.61**	**10.0%**	**6.30**	**6.05**	**4.2%**
LN thuần từ HĐKD	-0.65	1.67	-139%	6.55	5.30	23.6%
Lợi nhuận khác	**0.00**	**0.01**	**-140%**	**0.00**	**0.02**	**-116%**
LN trước thuế	-0.66	1.67	-139%	6.54	5.32	23.0%
Lợi nhuận sau thuế	**-0.55**	**1.31**	**-142%**	**5.21**	**4.23**	**23.2%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-0.55**	**1.31**	**-142%**	**5.21**	**4.23**	**23.2%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	4.63	2.93	-11.4	15.2	9.40	-4.07
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.09	-18.8	-4.00	-6.72	-8.19	5.59
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-7.71	14.3	14.8	-1.34	-6.96	2.09
Tiền đầu kỳ	6.23	3.06	1.47	0.86	8.00	2.25
Lưu chuyển tiền thuần	**-3.17**	**-1.59**	**-0.61**	**7.14**	**-5.75**	**3.61**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.00	0	0.00	0	0.00
Tiền cuối kỳ	3.06	1.47	0.86	8.00	2.25	5.85

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**117**	**109**	**7.0%**
Tài sản ngắn hạn	96.3	85.8	12.2%
Tiền và tương đương tiền	5.85	1.47	299%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	31.5	19.0	65.8%
Phải thu ngắn hạn	12.8	12.5	2.5%
Hàng tồn kho	44.9	49.5	-9.3%
Tài sản ngắn hạn khác	1.24	3.35	-63.1%
Tài sản dài hạn	**20.3**	**23.1**	**-12.3%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	19.6	22.4	-12.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0.32	-100%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**0.63**	**0.44**	**43.7%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	36.2	29.6	22.4%
Nợ ngắn hạn	**36.0**	**29.4**	**22.5%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	27.4	15.1	81.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	4.94	3.27	51.2%
Nợ dài hạn	0.18	0.17	6.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**80.4**	**79.4**	**1.3%**
Vốn chủ sở hữu	**80.4**	**79.4**	**1.3%**
Vốn điều lệ	67.5	67.5	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)